

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/11/2024  
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm Nh dân:

- Bà Nguyễn Thị Oanh Thy
- Ông Nguyễn Ngọc Ân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án Nh dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn Nh gia đình thụ lý số 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Th T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông Trần Th Nh, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th T trình bày:

Năm 2010, bà và ông Trần Th Nh xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã Th, huyện B, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2010.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, không còn khả năng quay lại. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 01/10/2013; Trần Gia M, sinh ngày 10/01/2015 và Trần Gia L, sinh ngày 16/10/2018. Các con chung hiện đang sống với bà, sau ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Th Nh trình bày:* Ông cung cấp đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm nhưng ông Nh vắng mặt nên không hòa giải được. Bà Trần Thị Th T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th T và ông Trần Th Nh vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Th T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Th Nh căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng “Ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án Nh dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th T và bị đơn ông Trần Th Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày, ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ mà các đương sự cung cấp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th T về quan hệ hôn Nh : Bà T và ông Nh xác lập quan hệ vợ chồng và có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2010 nên được xác định là quan hệ hôn Nh hợp pháp. Bà T cho rằng nguyên Nh phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dù đã nhiều lần nhưng không được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông Trần Th Nh. Về phía ông Nh, ông đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, đã biết được yêu cầu của bà T nhưng vắng mặt không tham gia hòa giải, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận định, quan hệ hôn Nh giữa bà T và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được, vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng nhau, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn Nh và gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn Nh và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Th T đối với ông Trần Th Nh là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th T về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà T cùng các chứng cứ do bà T cung cấp thì ông bà có 03 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 01/10/2013, Trần Gia M , sinh ngày 10/01/2015, Trần Gia L , sinh ngày 16/10/2018. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu là người trực tiếp nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành gửi cho bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp; tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án này về yêu cầu về nuôi con chung. Mặt khác, từ khi ông bà ly thân, con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà T chăm sóc con chung được đảm bảo hơn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung, giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nh vắng mặt, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông Nh vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn Nh theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81 và Điều 82 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th T đối với bị đơn ông Trần Th Nh.

1.1 Về quan hệ hôn Nh : Cho bà Nguyễn Thị Th T được ly hôn với ông Trần Th Nh.

1.2 Về con chung: Giao các con chung gồm cháu Trần Gia B, sinh ngày 01/10/2013, cháu Trần Gia M , sinh ngày 10/01/2015 và cháu Trần Gia L , sinh ngày 16/10/2018 cho bà Nguyễn Thị Th T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Th Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc. Giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm; khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Th T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007713 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An; bà Nguyễn Thị Th T đã nộp xong án phí.

3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Ủy ban Nh dân xã Th, huyện B, tỉnh Long An.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Thanh Thúy**

